

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH C
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2018/DS-ST
Ngày: 27-12 - 2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng thuê xe*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH C, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.
2. Bà Trần Thị Đúng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Thọ, thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 386/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 07 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê xe*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 491/2018/QĐXXST-DS ngày 09/11/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 397/2018/ QĐST-DS, ngày 29 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1959;
Bà Nguyễn Thùy L, sinh năm 1984;

Cùng cư trú tại đường BT, phường M, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Ông C, bà L có mặt).

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Bích T; sinh năm 1981.

Cư trú: Đường TL, ấp S, xã TN, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh. (bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Nguyên đơn ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thùy L trong quá trình giải quyết vụ án cùng trình bày như sau:*** Vợ chồng ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thùy L có quen biết với bà Nguyễn Thị Bích T là chủ cơ sở cho thuê xe tự lái có địa chỉ tại Ấp S, xã TN, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vào năm 2015 có cho bà T thuê 02 xe ô tô hiệu Toyota loại Fortuner để bà T cho người khác thuê lại gồm xe thứ nhất là xe ô tô hiệu Toyota loại Fortuner 7 chỗ, số biển đăng ký là số 51A - 953.13 và xe thứ hai là xe ô tô hiệu Toyota loại Fortuner 7 chỗ, số biển đăng

ký là số 51F - 218.35; sau thời gian thuê thì bà T đã trả lại xe số biển đăng ký là số 51F - 218.35, còn xe ô tô hiệu Toyota loại Fortuner ô tô hiệu Toyota loại Fortuner số máy 2TR6750515, số khung 59G099001025 mang biển đăng ký số 51A - 953.13, số máy 2TR6750515, số khung 59G099001025 thì bà T không trả tiền thuê xe và xe cho đến nay.

- Việc thực hiện hợp đồng như sau : Ngày 01 /01/2015 ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thị Bích T có ký Hợp đồng thuê xe số 03, có nội dung là ông C đồng ý cho bà T thuê 01 chiếc xe ô tô loại 7 chỗ, hiệu Toyota số máy 2TR6750515, số khung 59G099001025 mang biển đăng ký số 51A - 953.13, với giá thuê là 15.000.000 đồng / 1 tháng; thời gian thuê là 12 tháng, sau khi thuê bà T trả tiền thuê xe hàng tháng đầy đủ nên hai bên tiếp tục ký lại tiếp Hợp đồng thuê xe ngày 01/01/2017 cũng với tiền thuê mỗi tháng là 15.000.000 đồng / 1 tháng và thời hạn thuê từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/01/2018 là hết hạn. sau khi ký tiếp hợp đồng bà T cũng trả đầy đủ tiền thuê hàng tháng, tuy nhiên đến tháng 10/2017 thì bà T không trả tiền thuê nữa, do vi phạm hợp đồng thuê xe nên vợ chồng ông C bà L đã nhiều lần yêu cầu bà T trả lại xe và tiền còn thiếu nhưng bà T lánh mặt không trả. Do quá ức nên ông C bà L làm đơn tố cáo bà T có hành vi chiếm đoạt tài sản là chiếc xe ô tô đến Công an Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 22/6/2018 Công an Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản trả lời là giao dịch dân sự .

Nay, ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thùy L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng thuê xe ký kết giữa ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thị Bích T. Buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải trả tiền thuê xe còn thiếu tính từ tháng 10/2017 cho đến nay. Buộc bà T phải trả cho ông C và bà L chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota mang biển đăng ký 51A - 953.13 ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày, tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 17/07/2018 như sau :* Bà xác nhận có quen biết với vợ chồng ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thùy L (Bà L là ca sỹ Thái Thùy L). Trong quá trình làm các Show biểu diễn ca hát. Vào khoảng tháng 11/2015 Đài truyền hình HTV Thành phố Hồ Chí Minh có tổ chức cuộc thi “ Tình khúc xưa và nay ”. tại cuộc thi thí sinh có mã số 070 là ca sỹ Thái Thùy L thi rất khi thử giọng, thời điểm đó bà làm thành viên của Ban tổ chức, chính bà L chủ động L hệ với bà nhờ bà giúp làm sao cho bà L được thi lại và đậu và được vào chung kết xếp hạng, bà L sẽ trả tiền cho bà sòng phàng, bà có hẹn bà L đến nhà bà tại Chung cư Carina, nhà số 11.17 tại đây bà L đồng ý trả với số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), bà phải có trách nhiệm lo cho bà L được thi lại đồng thời mời bà có nhờ nhạc sỹ Thái Hùng phụ trách hướng dẫn cho L thi lại và bà L đã được vào chung kết, kết quả bà L được giải “ Dân ca Bắc Bộ ”. Sau đó do bà L và ông C không có tiền trả cho bà số tiền như đã thỏa thuận là 300.000.000 đồng, nên đã thế chấp lại cho bà chiếc xe Toyota Fortuner đời 2009, biển số 51 A. 953.13. để khi nào vợ chồng có tiền trả sẽ lấy lại xe, do đó bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông C bà L. Bà cũng xác nhận do việc thỏa thuận này vì là không đúng pháp luật nên giữa bà và vợ chồng C, bà L không có giấy tờ gì chứng minh. Ngoài ra bà T cũng xác nhận hiện nay bà có cơ sở kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái, kinh doanh tại địa chỉ nhà đường TL, ấp S, xã TN, huyện Bình C, TP. Hồ Chí Minh, cũng như việc trước đây bà có thuê xe 1 chiếc xe Toyota Fortuner, biển số 51 A. 218. 35 của ông C, để bà cho người khác thuê, sau đó bà cũng đã trả lại xe và tiền thuê xe này cho ông C đầy đủ. Đối với xe

Toyota Fortuner đời 2009, biển số 51 A. 953.13 bà xác nhận xe hiện nay bà đang sử dụng và cam kết không cầm cố mua bán thế chấp cho bất kỳ tổ chức cá nhân nào bà xin tự chịu trách nhiệm. Bà sẽ trả lại xe này nếu ông C và bà L phải trả cho bà số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm, năm mươi triệu đồng), nếu không thì bà đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

****Tại phiên tòa hôm nay :***

- Nguyên đơn ông Trần Ngọc C xác định vẫn giữ nguyên những nội dung đã trình bày và yêu cầu như đơn khởi kiện cụ thể như sau : 1/ Yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng thuê xe số 03/07/2014/HĐTX-ITP, ngày 01 tháng 01 năm 2017 giữa bên cho thuê là ông Trần Ngọc C với bên thuê xe là bà Nguyễn Thị Bích T; 2/ Yêu cầu bà T phải trả lại tiền thuê xe còn thiếu từ tháng 10/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm khi chấm dứt hợp đồng thuê xe (tính đến khi xét xử sơ thẩm là tháng 12/2018 là 16 tháng mỗi tháng tiền thuê là 15.000.000 đồng x 16 tháng = 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng). Buộc bà T phải trả cho ông C và bà L chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota loại Fortuner số máy 2TR6750515, số khung 59G099001025 mang biển đăng ký 51A - 953.13 ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thùy L đã có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thùy L có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “ Tranh chấp về hợp đồng thuê tài sản, Hợp đồng thuê xe ”. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T hiện đang cư trú tại địa chỉ đường TL, ấp S, xã TN, huyện Bình C, TP. Hồ Chí Minh. Căn cứ các Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- Xét thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào Hợp đồng thuê ký lại lần thứ 3 số 03, ngày 01/01/2017 giữa bên cho thuê xe ông Trần Ngọc C với bên nhận thuê xe bà Nguyễn Thị Bích T thì thời hạn của Hợp đồng là ngày 01/01/2018 là hết hạn, trong quá trình thực hiện phía bên nhận thuê xe là bà T không thực hiện việc trả tiền thuê xe theo đúng thời hạn và trả lại tài sản thuê là chiếc xe ô tô hiệu Toyota loại Fortuner biển đăng ký 51A - 953.13 đứng tên ông Trần Ngọc C, do đó ngày 12 tháng 07 năm 2018 vợ chồng ông C và bà L khởi kiện, căn cứ theo các Điều 149, 150, 151 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn nên Tòa án nhân dân huyện Bình C thụ lý là đúng, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thùy L có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa, bà cũng thống nhất với ý kiến và yêu cầu của chồng là ông Trần

Ngọc C, xét phù hợp các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T vắng tại phiên tòa không lý do, xét trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T cũng đã đến Tòa án tham gia vụ án, viết bản tự khai trình bày ý kiến, tham gia về phiên họp và hòa giải tại Tòa án theo quy định, tuy nhiên, nhưng tại phiên tòa vắng mặt bà T vì vậy Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc tiến hành nêi yết theo thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 170, 171, 172, 173, 174, 180, 181, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Xét về nội dung tranh chấp:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thùy L về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T phải trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota loại Fortuner số máy 2TR6750515, số khung 59G099001025 mang biển đăng ký 51A - 953.13 đứng tên ông Trần Ngọc C và tiền thuê xe là 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng). Là có cơ sở chấp nhận. Bồi lẽ.

- Xét nội dung tranh chấp qua phần trình bày của đương sự và các chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án như sau : Hợp đồng thuê xe giữa ông C với bà T là sự thỏa thuận bằng Hợp đồng thuê xe có đầy đủ chữ ký của các bên, nội dung thể hiện là bà T có thuê của ông C 01 chiếc xe Toyota loại Fortuner biển đăng ký 51A - 953.13; Về hình thức giao dịch hai bên có lập Hợp đồng thuê xe và có đầy đủ các chữ ký xác nhận của các bên , thời điểm thuê bắt đầu từ Hợp đồng thuê xe lần thứ nhất ký ngày 01/01/2015; sau đó các bên ký tiếp các Hợp đồng và Hợp đồng cuối là Hợp đồng thuê xe ngày 01/01/2017, thời hạn cũng 12 tháng tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/01/2018 là hết hạn; trong quá trình thực hiện hợp đồng trước đó bà T trả tiền thuê xe hàng tháng mỗi tháng là 15.000.000 đồng đầy đủ cho bên cho thuê là ông C, tuy nhiên sau đó từ tháng 10/2017 trở đi bà T không trả tiền thuê xe nữa và cũng không trả xe nên ông C mặc dù ông C đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà T vẫn không trả sau đó bà T đem xe đi cất giấu ông C bà L không L lạc được nên khởi kiện. Hội đồng xét xử nhận thấy;

- Về hình thức, điều kiện của Hợp đồng và nội dung thỏa thuận:

Xét Hợp đồng thuê xe thể hiện là ; Văn bản được viết trên giấy A4 theo dạng mẫu in sẵn sử dụng chung, có nội dung cơ bản được lập trên máy vi tính in sẵn, phần để trống dùng cho các bên tham gia ký hợp đồng thuê xe như : Điều 1: thể hiện về họ tên, số chứng minh nhân dân, địa chỉ của bên cho thuê xe và bên nhận thuê xe, đối tượng là chiếc xe loại xe, số lượng, màu xe, biển số xe, số máy xe, số khung xe, Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/01/2018. Cụ thể Loại xe là Toyota loại Fortuner (7 chỗ), số lượng 01, màu là Ghi bạc, số máy 2TR6750515, số khung 59G099001025 mang biển đăng ký 51A - 953.13; Điều 2 những thỏa thuận chung. Điều 3. Về giá thuê và phương thức thanh toán; Ghi rõ là giá thuê là 15.000.000 đồng /1 tháng; bên cho thuê xe không nhận tiền đặt cọc.”; Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015, tại Điều 472 quy định “ Hợp đồng thuê tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên theo đó bên cho thuê để sử dụng trong một thời hạn, bên thuê phải trả tiền thuê ”. Điều 481

quy định “ Bên thuê tài sản phải trả đủ tiền thuê đúng thời hạn đã thỏa thuận..”. Điều 482 quy định “ Bên thuê phải trả lại tài sản thuê khi trả lại tài sản thuê ..”; các thỏa thuận này cũng phù hợp với quy định tại các Điều 117, 118, 119 và Điều 472, 473, 474, 475 của Bộ luật dân sự năm 2015, Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thùy L về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T phải trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota loại Fortuner số mang biển đăng ký 51A - 953.13 đứng tên ông Trần Ngọc C và tiền thuê xe tính từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm (tháng 12/2018) tổng cộng thời gian là 16 tháng với số tiền thuê xe còn thiếu tổng cộng là 210.000.000 đồng(hai trăm triệu đồng). Là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đối với phần trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T cho rằng hiện ng C bà L còn nợ bà số tiền là 300.000.000 đồng, do đó bà phải giữ chiếc xe ô tô biển đăng ký 51A - 953.13 đứng tên ông Trần Ngọc C khi nào phía ông C bà L trả đủ tiền thì bà sẽ trả lại ngay xe này, nếu thương lượng thì bà chỉ lấy lại số tiền là 50%. Là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) thì bà T và sẽ trả lại xe ngay. Xét phần trình bày này của bà T không được phía nguyên đơn là ông C bà L chấp nhận. Căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 04 năm 2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh theo bà Nguyễn Thị Bích T trình bày như sau : “...Bà hiện nay là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tự lái có trụ sở tại đường TL, ấp S, xã TN, huyện Bình C, TP. Hồ Chí Minh. Ngày 01/01/2017 tôi có lập Hợp đồng thuê xe ô tô Fortuner số mang biển đăng ký 51A - 953.13 đứng tên ông Trần Ngọc C, với thời hạn thuê xe là 01 năm, giá thuê xe là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), / 1 tháng của ông C...Xe này hiện tôi đưa về cất giữ tại nhà ...”. Ngoài ra về số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) mà vợ chồng ông C bà L nợ bà, bà cũng thừa nhận đây thì chỉ là thỏa thuận miệng không có làm giấy tờ gì chứng minh về số nợ này, tuy nhiên bà sẽ thỏa thuận với ông C trả lại xe cho ông C. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Biên bản hòa giải ngày 17/07/2018 bà Nguyễn Thị Bích T cũng xác định số tiền mà vợ chồng ông C bà L nợ bà , vì thỏa thuận này không đúng pháp luật nên không có giấy tờ gì chứng minh do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét phần trình bày này.

Ngoài ra Tòa án cũng đã ra Quyết định số : 124/ QĐ-CCTLCC, ngày 04 /09/2018 về yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, nhưng bà T không cung cấp được như vậy, ngoài lời khai trình bày này thì bà T cũng không đưa ra chứng cứ khác để chứng minh cho phần trình bày của bà T là có cơ sở, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định “...Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra chứng cứ hoặc không đưa đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án” nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Do đó phần trình bày này là hoàn toàn không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Xét yêu cầu trả lại xe : Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Bích T cũng thừa nhận chiếc xe chiếc xe Toyota loại Fortuner số máy 2TR6750515, số khung 59G099001025 mang biển đăng ký 51A - 953.13 đứng tên ông Trần Ngọc C hiện nay bà T đang cất giữ và xe hiện nay không lưu thông được do hư hỏng và bà T cũng cam kết không cầm cố thế chấp chiếc xe này cho tổ chức cá nhân nào và xin tự chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật. Do đó yêu cầu của ông C bà L về việc buộc bị đơn bà T phải trả lại ngay chiếc xe Toyota Fortuner loại 7 chỗ, số máy

2TR6750515, số khung 59G099001025 mang biển đăng ký 51A - 953.13 đứng tên ông Trần Ngọc C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu trả tiền thuê xe : Căn cứ vào giá thuê xe được ghi tại. Điều 3 của Hợp đồng thuê xe; Ghi rõ là giá thuê là 15.000.000 đồng /1 tháng, lời khai của bà T tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh thể hiện. Ngày 01/01/2017 tôi có lập Hợp đồng thuê xe ô tô Fortuner số mang biển đăng ký 51A - 953.13 đứng tên ông Trần Ngọc C, với thời hạn thuê xe là 01 năm, giá thuê xe là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) / 1 tháng; Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015, tại khoản 4 Điều 482 quy định “ Khi bên thuê chậm trả tài sản thuê thì bên cho thuê có quyền yêu cầu bên thuê trả tài sản thuê, trả tiền thuê trong thời gian chậm trả lại tài sản thuê và phải bồi thường thiệt hại....”. do đó yêu cầu tính tiền thuê xe của ông C tính từ tháng 10/2017 đến khi xét xử sơ thẩm tháng 12/2018 tổng cộng là 14 tháng là có căn cứ được tính như sau ; Tiền thuê xe là 15.000.000 đồng x thời gian thuê là 14 tháng , tổng cộng thành tiền là 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về thời gian trả nợ : Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T vắng mặt nhiều lần, tại phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng bà T vắng mặt không lý do phần nào gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án, mặc khác xét thấy tranh chấp đã lâu phần nào gây khó khăn cho nguyên đơn vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota loại Fortuner số máy 2TR6750515, số khung 59G099001025 mang biển đăng ký 51A - 953.13 đứng tên ông Trần Ngọc C và tiền thuê xe là 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng). một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét đối với yêu cầu của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T về việc trình bày có L quan đến số tiền nợ giữa bà T và vợ chồng ông C bà L. Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định tại Điều 200 quy định về Quyền phản tố của bị đơn là “ Yêu cầu của bị đơn đối với nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan có yêu cầu độc lập.” nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà T không làm đơn yêu cầu phản tố mặc dù đã được Tòa án thông báo giải thích về việc này nên Hội đồng xét xử không xét, ngoài lời khai bà T cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho những phần trình bày trên là có cơ sở, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định “..Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra chứng cứ hoặc không đưa đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án” nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

* Xét thấy tại phiên tòa, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình C thành phố Hồ Chí Minh phát biểu như sau : 1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng. Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS; đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điều 203

BLTTDS năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã gửi cho Viện KSND huyện Bình C, thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng hạn. 2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, thành phần Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS; tiến hành thủ tục khai mạc phiên tòa, thủ tục hỏi theo đúng quy định tại các Điều 239, Điều 249 BLTTDS; xét xử trực tiếp, bằng lời nói theo quy định tại Điều 225 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, đương sự không có ý kiến về việc thay đổi những người tiến hành tố tụng.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng qui định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Các đương sự vắng mặt đều có đơn xin vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại điều 227, 228 BLTTDS.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn là ông Trần Ngọc C, bà Nguyễn Thùy L đã nộp đơn khởi kiện “tranh chấp hợp đồng thuê xe” với bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích T với nội dung yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng thuê xe số 03/07/2014/HĐTX-ITP, ngày 01 tháng 01 năm 2017 giữa bên cho thuê là ông Trần Ngọc C với bên thuê xe là bà Nguyễn Thị Bích T và Yêu cầu bà T phải trả lại tiền thuê xe còn thiếu từ tháng 10/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm khi chấm dứt hợp đồng thuê xe (tính đến khi xét xử sơ thẩm là tháng 12/2018 là 16 tháng mỗi tháng tiền thuê là 15.000.000 đồng x 16 tháng = 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng)). Buộc bà T phải trả cho ông C và bà L chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota loại Fortuner số máy 2TR6750515, số khung 59G099001025 mang biển đăng ký 51A - 953.13 ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Ngày 12/7/2018, Tòa án nhân dân huyện Bình C thụ lý vụ án dân sự số 386/2018/TLST-DS. Căn cứ vào “Biên bản thuê xe” lập ngày 01/01/2017 (có chữ ký của bà Nguyễn Thị Bích T) thì có cơ sở để xác định bà T có thuê xe của ông Trần Ngọc C. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Bởi các lẽ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc C, bà Nguyễn Thùy L. Về án phí: bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] . Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp án phí dân sự có không giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Và án phí có giá ngạch được tính trên số tiền phải thanh toán là 210.000.000 đồng x 5%= 10.500.000 đồng.(mười triệu năm trăm nghìn đồng);

Ông Trần Ngọc C bà Nguyễn Thùy L không phải nộp án phí và được nhận lại số tiền là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số AA/2018/0005511, ngày 12/07/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình C, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 6, 70, 72, 91, 147, 170, 171, 172, 173, 174, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 116, 117, 118, 119, 149, 150, 151, 200, 472, 473, 474, 475, 481, 482, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào các Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Tuyên Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thùy L.

1. Tuyên hủy Hợp đồng thuê xe số 03/07/2014/HĐTX-ITP ngày 01/01/2017 ký kết giữa bên cho thuê xe là ông Trần Ngọc C và bên nhận thuê xe bà Nguyễn Thị Bích T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải trả lại chiếc xe ô tô hiệu Toyota, loại Fortuner số máy 2TR6750515, số khung 59G099001025 mang biển đăng ký 51A - 953.13 đứng tên ông Trần Ngọc C và tiền thuê xe là 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng).

3. Thi hành việc trả tiền và xe là một lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Trần Ngọc C, bà Nguyễn Thùy L không phải nộp án phí và được nhận lại số tiền là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0005511, ngày 12/07/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình C, Thành Phố Hồ Chí Minh. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp án phí dân sự có không giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Và án phí có giá ngạch là 10.500.000 đồng. (mười triệu năm trăm nghìn đồng).

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9. Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình C;
- CCTHADS H.Bình C ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ

Lại Phước Trường